

Số: 209/QĐ-MNHQ

Hồng Quang, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NSNN QUÝ III
NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Hội đồng trường mầm non Hồng Quang

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN quý III/2025 của trường mầm non Hồng Quang.

(Theo biểu 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Ban Giám hiệu, bộ phận tài vụ và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KTHT;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phan Thị Minh Thu

Đơn vị: Trường MN Hồng Quang

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2025	Ước thực hiện/dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
4	Thu sự nghiệp khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp từ nguồn học phí				
2	Chi quản lý hành chính				
3	Chi sự nghiệp khác				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.526.774.000	1.592.306.400	21,2	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.526.774.000	1.592.306.400	21,2	
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.526.774.000	1.592.306.400	21,2	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.041.185.000	1.590.886.400	22,6	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	485.589.000	1.420.000	0,3	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hồng Quang, ngày 02 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Phan Thị Minh Thu

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

Trường MN Hồng Quang, Phường Hồng Quang thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách nhà nước quý III/2025 như sau:

Tổng kinh phí đã thực hiện: 1 592 306 400 đồng
 Trong đó : 1. Kinh phí tự chủ 1 590 886 400 đồng
 2. Kinh phí không tự chủ: 1 420 000 đồng

Cụ thể như sau:

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
I	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	1.590.886.400	
1	Tiền lương	865.776.600	
	Lương theo ngạch, bậc	865.776.600	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	24.000.000	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	24.000.000	
3	Phụ cấp lương	441.918.300	
	Phụ cấp chức vụ	11.699.900	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	301.195.400	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	702.000	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	128.321.000	
	Phụ cấp khác	-	
4	Tiền thưởng	-	
	Thưởng thường xuyên		
5	Phúc lợi tập thể	390.000	
	Chi khác	390.000	
6	Các khoản đóng góp	216.246.300	
	Bảo hiểm xã hội	176.014.500	
	Bảo hiểm y tế	30.173.900	
	Kinh phí công đoàn		
	Bảo hiểm thất nghiệp	10.057.900	
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		
	Chi khác		
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	6.261.300	
	Tiền điện	6.261.300	
9	Vật tư văn phòng	11.065.000	
	Văn phòng phẩm	7.755.000	
	Khoản văn phòng phẩm	390.000	
	Vật tư văn phòng khác	2.920.000	
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.235.400	
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	2.220.000	
	Khác	7.015.400	
11	Hội nghị		
	In, mua tài liệu		
	Các khoản thuê mướn khác		

STT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
	Chi phí khác		
12	Công tác phí	4.200.000	
	Phụ cấp công tác phí		
	Khoản công tác phí	4.200.000	
13	Chi phí thuê mướn		
	Thuê lao động trong nước		
	Chi phí thuê mướn khác		
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	11.793.500	
	Chi mua hàng hóa, vật tư		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		
	Chi khác	11.793.500	
17	Chi khác		
	Chi các khoản khác		
	Chi cho các sự kiện lớn		
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn		
II	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.420.000	
1	Tiền thưởng	1.420.000	
	Thưởng thường xuyên	1.420.000	
	Thưởng đột xuất		
2	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		
	Các khoản hỗ trợ khác		
3	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		
	Nhà cửa		
4	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
	Tài sản và thiết bị khác		
5	Chi khác		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		
	Chi các khoản khác		
	Tổng cộng	1.592.306.400	

Hồng Quang, ngày 02 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Phan Thị Minh Thu